

# PH.ĂNGGHEN VÀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ

TS TRẦN THỊ MINH CHÂU\*

Là nhà triết học, vấn đề quan tâm hàng đầu của Ph.Ăngghen là vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào phân tích, xem xét các lĩnh vực của xã hội và tự nhiên. Từ sự nghiên cứu triết học và lịch sử của mình, Ông cùng với C.Mác đã khám phá ra những quy luật vận động của lịch sử và gắn với sự vận động của lịch sử hiện đại là sứ mệnh của giai cấp công nhân (GCCN) hướng tới cuộc cách mạng giải phóng con người. Những quan điểm của Ph.Ăngghen về tổ chức quản lý chủ yếu này sinh trong quá trình Ông tham gia chỉ đạo về mặt lý luận cho các tổ chức công sản.

Điểm cốt lõi, xuyên suốt trong quan điểm của Ph.Ăngghen về các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề tổ chức quản lý là: Bất cứ một tổ chức, một xã hội nào thì các quan hệ chi phối hành động của con người cấu thành nên tổ chức hoặc xã hội đó cũng phụ thuộc chặt chẽ vào các điều kiện hiện thực mà tổ chức và xã hội đó tồn tại. Trong số những điều kiện thực tiễn đó, điều kiện thực tế về sản xuất và trao đổi có ý nghĩa quyết định. Trong tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước", Ph.Ăngghen đã phân tích sự thay đổi trong cấu trúc quan hệ của gia đình khi lực lượng sản xuất thay đổi. Ở giai đoạn thị tộc, bộ lạc, khi

con người mới chỉ biết săn bắn và hái lượm, đi cùng với nó là chế độ quần hôn thì cấu trúc gia đình là mẫu quyền. Bởi lẽ, con cái sinh ra chỉ biết chắc chắn về phía mẹ. Khi con người biết chăn nuôi, làm đồ kim khí, dệt và trồng trọt thì của cải bắt đầu dư thừa. Những của cải dư thừa đó chủ yếu lại do đàn ông làm ra nên vấn đề kế thừa tài sản của người đàn ông đã làm thay đổi cấu trúc gia đình mẫu quyền và quần hôn cũ, thay nó bằng gia đình cặp đôi theo chế độ phụ quyền... Nếu so sánh cách giải quyết vấn đề xung đột theo quan điểm duy vật lịch sử của Ph.Ăngghen với cái gọi là "quy luật hoàn cảnh" của Mari Parker Follet, mặc dù sự so sánh ở đây là hết sức khập khiễng, thì chúng ta sẽ thấy Ph.Ăngghen nhìn nhận vấn đề ở tầm rộng và sâu sắc hơn nhiều. Hơn nữa, Ph.Ăngghen nhìn nhận vấn đề tổ chức gia đình, xã hội dưới lăng kính phát triển, dưới hình thức vận động thực tiễn của lịch sử, trong đó mỗi hình thức tổ chức đều chứa đựng các yếu tố nội tại tất yếu quy định nó là nó, đồng thời nó cũng chứa đựng cả các mầm mống của tổ chức mới sẽ thay thế nó cũng như tàn dư của tổ chức cũ đã bị chính tổ chức đó thay thế. "Quy luật hoàn cảnh" của Follet chỉ là hình thức tổ chức theo kiểu dàn hòa lợi ích trong bối cảnh tổ chức vốn còn là nó mà chưa có dấu hiệu sẽ thay đổi.

Quan điểm duy vật lịch sử của C.Mác và Ph.Ăngghen trang bị cho các cán bộ quản lý phương pháp làm việc

\* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

linh hoạt, chủ động, phù hợp với thực tiễn nhưng không hoàn toàn lệ thuộc một cách thụ động vào thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ ra rằng: Trong bất kỳ một hệ thống tổ chức xã hội nào cũng phải biết tìm ra đúng mâu thuẫn cơ bản nhất để vận dụng mọi phương thức, mọi điều kiện có thể làm cho nó phát triển đến tối đa. Và như thế, khi mâu thuẫn cơ bản phát triển đến mức gay gắt, tự bản thân hệ thống sẽ tạo ra phương tiện để giải quyết. Vai trò tự giác của người tổ chức chính là nắm lấy phương tiện đó để thúc đẩy sự vật tiến lên.

Ngoài ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm duy vật lịch sử, Ph.Ăngghen còn đưa ra một số ý tưởng khác về tổ chức quản lý.

*Thứ nhất*, Ông phân biệt rõ giữa quản lý và cai trị. Quản lý dưới giác độ hoạt động tổ chức, điều phối, hướng mọi hoạt động hợp tác của nhiều người tới mục tiêu chung là tính tất yếu của bất cứ hoạt động liên hợp nào. Ông viết: "Như vậy, hành động liên hợp, sự phức tạp hóa các quá trình công tác tùy thuộc lẫn nhau, đang thay thế cho hoạt động độc lập của từng cá nhân riêng lẻ. Nhưng hoạt động liên hợp có nghĩa là tổ chức nhau lại, mà tổ chức thì liệu không dùng đến quyền uy được chăng?"<sup>1</sup>. Quyền uy ở đây được hiểu là "ý chí của người khác mà người ta buộc chúng ta phải tiếp thu"<sup>2</sup>. "Quyền uy" mà Ph.Ăngghen dùng ở đây là chỉ quyền lực của cán bộ quản lý, quyền khiến người khác thực hiện mục tiêu đã được vạch ra. Theo diễn giải của Ông, nó cũng đồng nghĩa với quyền lực tổ chức của người quản lý trong một tổ chức xác định. Ph.Ăngghen chứng minh rằng, khi con người ta cần liên hợp lại với nhau để hoàn thành một công việc nào đó thì cần có sự phục tùng của nhiều người trước ý chí của một số người, khi ý chí của những người đó phản ánh yêu cầu tất yếu của thực tế khách quan. Điều này đúng cả ở xã hội tư bản lẫn xã hội tương lai: xã hội cộng sản chủ nghĩa<sup>3</sup>.

Khác với quản lý, cai trị là sự thống trị, áp bức giai cấp nảy sinh trong các xã hội có phân chia giai cấp. Sự cai trị này không phải là vĩnh viễn gắn liền với sự tồn tại

của xã hội loài người. Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ph.Ăngghen đã chứng minh rằng, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, các thị tộc, bộ lạc không cần đến sự cai trị nên không có nhà nước. Và sau này, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa cũng không còn cai trị, không còn nhà nước. Như vậy, trong thiết chế nhà nước tư sản hoặc thiết chế nhà nước bất kỳ nào cũng đều tồn tại hai chức năng: 1. Chức năng quản lý nhằm thực thi những nhiệm vụ chung để bảo tồn và phát triển xã hội. Chức năng này sẽ ngày càng hoàn thiện theo sự phát triển chung của xã hội loài người; 2. Chức năng thống trị giai cấp chỉ tồn tại trong xã hội khi còn sự đối kháng giai cấp. Cốt lõi của đối kháng giai cấp là giai cấp thống trị tồn tại trên cơ sở bóc lột lao động của giai cấp bị trị. Ông viết: "Tất cả mọi người xã hội chủ nghĩa đều đồng ý công nhận rằng nhà nước là quyền uy chính trị sẽ mất đi sau cuộc cách mạng xã hội tương lai, nghĩa là các chức năng xã hội sẽ mất tính chất chính trị và sẽ biến thành những chức năng quản lý đơn thuần chăm lo đến lợi ích xã hội"<sup>4</sup>. Điều cần lưu ý ở đây là: Ph.Ăngghen luôn chú ý đến cả mặt thống nhất và mặt mâu thuẫn của mỗi quan hệ giai cấp đặt trong khung cảnh quản lý của nhà nước. Mặc dù nhà nước bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị nhưng đồng thời nó cũng phải bảo vệ cả giai cấp bị trị, đặc biệt là trong những hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai... Bởi lẽ, không có giai cấp bị trị sẽ không có giai cấp thống trị và không có xã hội. Nhưng khi lợi ích của hai giai cấp này mâu thuẫn nhau gay gắt thì nhà nước sẽ hy sinh lợi ích của giai cấp bị trị. Dưới chủ nghĩa tư bản, hai mặt thống nhất và mâu thuẫn này không chỉ biểu hiện trên bình diện xã hội mà tồn tại trong từng tổ chức kinh tế dưới hình thức quan hệ chủ - thợ. Như vậy, chúng ta thấy rõ rằng, mặc dù Ph.Ăngghen chưa bao giờ chính thức đặt chân vào địa hạt của khoa học quản lý nhưng những tư tưởng của Ông đã gợi mở một phạm vi tiếp cận khoa học cho nhiều vấn đề tổ chức quản lý, đặc biệt là tổ chức quản lý nhà nước.

*Thứ hai*, Ph.Ăngghen làm rõ mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, mà theo cách nói của Ông là mối quan hệ giữa quyền uy và tự trị. Ông viết: "thật là vô lý nếu trình bày nguyên tắc quyền uy là một nguyên tắc hoàn toàn xấu và nguyên tắc tự trị là nguyên tắc hoàn toàn tốt. Quyền uy và tự trị là những điều tương đối mà phạm vi áp dụng thì tùy theo những giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội mà thay đổi"<sup>5</sup>. Ông mở rộng thêm ý tưởng về mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ khi cho rằng: quyền uy (theo lôgic của Ông, tất nhiên cả tự trị nữa - TG) đều do những điều kiện lịch sử khách quan quy định chứ không phụ thuộc vào quan niệm đạo đức của xã hội và mỗi người. Giờ đây, khi đã từng chứng nghiệm những thất bại của cả tập trung quá mức (mô hình quản lý của các nước XHCN theo kiểu Liên Xô và Đông Âu) lẫn dân chủ quá tả (phong trào tự trị phân rã của Liên bang Nam Tư) những người cộng sản chúng ta mới thấm thía rằng, đã bỏ qua những điều mà hàng trăm năm trước Ph.Ăngghen đã từng chỉ rõ là: tập trung và dân chủ hoàn toàn không thể do ý muốn chủ quan áp đặt mà phải phù hợp với diễn biến của từng điều kiện lịch sử khách quan, trong đó những điều kiện sản xuất và trao đổi có vai trò quan trọng hàng đầu. Ph.Ăngghen và C.Mác đã từng phê phán gay gắt phái Bacunin khi phái này chủ trương một thứ tự trị ngớ ngẩn khi cần tập trung thống nhất và liên hợp lại để giành chính quyền trong cuộc cách mạng xã hội năm 1873 ở Tây Ban Nha<sup>6</sup>. Hoặc rõ hơn nữa là khi hai ông cổ vũ và tuyên truyền cho chuyên chính vô sản (CCVS). Nhìn bề ngoài, CCVS dường như trái ngược với tư tưởng giải phóng con người của hai ông, bởi thực chất của CCVS là một sự cưỡng bức và cao hơn là sự trấn áp của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản. Tuy nhiên, xét trong tiến trình diễn biến các sự kiện của lịch sử thì không hề có mâu thuẫn. Trong điều kiện còn giai cấp thì CCVS là tiền đề, là bước đầu tiên tiến đến xóa bỏ giai cấp. Và khi không còn giai cấp thì CCVS cũng biến mất và xã hội không còn nhà nước, không còn

chuyên chính, chỉ còn sự liên hiệp của những người tự do và công việc quản lý. Khi đó xét về mặt chính trị không còn quyền uy nhà nước, nhưng sự tập trung thống nhất vào một mục tiêu sẽ vẫn còn và nó sẽ được thực hiện do những con người có quyền tự trị trên cơ sở nhận thức được cái tất yếu. Như vậy, tập trung và dân chủ là hai mặt đồng hành. Khi tập trung thay đổi thì dân chủ cũng phải thay đổi và ngược lại. Tập trung đến đâu, dân chủ đến đâu là do chính điều kiện thực tế trong đó tổ chức hoặc xã hội đang vận hành quyết định. Không thể quy định một mức tập trung cứng nhắc, càng không thể chỉ coi dân chủ là cần thiết.

*Thứ ba*, Ph.Ăngghen đã đưa ra rất nhiều chỉ dẫn cho công tác tổ chức, lãnh đạo của ĐCS. Trước hết, Ông đã góp ý rất nhiều cho các đồng chí của mình cả ở Đức, Pháp và Mỹ về vấn đề khởi thảo cương lĩnh. Ph.Ăngghen cho rằng cương lĩnh là tuyên ngôn của ĐCS về mục tiêu và phương thức thực hiện mục tiêu của đảng, do đó cần nhất quán về nguyên tắc, đúng đắn về lý luận và phù hợp với điều kiện thực tế. Trong bức thư viết cho Bebel, Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "Nói chung thì cố nhiên cương lĩnh chính thức của một đảng không quan trọng bằng hành động của đảng đó. Nhưng một cương lĩnh mới cũng giống như một ngọn cờ mà người ta vừa mới treo lên trước mắt mọi người, và chính là căn cứ vào cương lĩnh đó mà người ta đánh giá đảng"<sup>7</sup>.

Theo Ông, trong các điều kiện cụ thể, một đảng hành động đúng đắn là đảng biết tận dụng tất cả các phương tiện để thúc đẩy xã hội tiến gần đến mục tiêu cuối cùng một cách thực tiễn, do đó có thể có những nhượng bộ với những mục tiêu cụ thể cho từng thời kỳ nhưng tuyệt đối không được vi phạm những nguyên tắc do mục tiêu cuối cùng đặt ra vì làm như thế chính là có lợi cho phái đối địch, tức giai cấp tư sản, là làm suy yếu phong trào công nhân. Trong mọi chỉ dẫn, Ph.Ăngghen đều hướng đến mục tiêu GCCN giành chính quyền và xây dựng xã hội công hữu trên toàn thế giới. Tuy nhiên,

là nhà duy vật lịch sử, Ông không bao giờ đưa ra một “đơn thuốc” cho cách mạng. Quan điểm của Ông là từ phân tích điều kiện thực tiễn mà quyết định phương sách hoạt động. Do vậy, ngoài cương lĩnh có tính chiến lược, ĐCS cần phải linh hoạt thay đổi sách lược để bảo toàn lực lượng và phát triển.

Vấn đề thứ hai mà Ph.Ăngghen quan tâm là chế độ tự do tư tưởng. Trong thư gửi Beben, Ph.Ăngghen viết: “Các anh, tức là đảng, cần một khoa học xã hội chủ nghĩa, mà khoa học xã hội chủ nghĩa thì không thể có được nếu không có tự do phát triển”<sup>8</sup>. Ông thường xuyên tranh luận công khai với các lãnh tụ ĐCS và phe đối lập trên các báo, tạp chí với thái độ khoa học, điềm tĩnh và coi đó là một trong những vũ khí tuyệt diệu không những để tuyên truyền mà còn để phát triển nhận thức khoa học đúng đắn. Ông không bao giờ có thái độ tự phụ cho rằng các vấn đề dường như đã được giải quyết hết trong các tác phẩm do Ông và C.Mác viết ra. Bản thân Ông đã nhiều lần công khai tự nhận sai lầm trước kia do ấu trĩ. Nhưng là nhà khoa học, Ông rất tin tưởng vào các kết luận có căn cứ xác đáng và luôn nhất quán với lập trường của mình trong tranh luận với các đồng chí, đồng nghiệp.

Vấn đề thứ ba mà Ph.Ăngghen quan tâm là sự đoàn kết thống nhất và sự phân liệt trong đảng. Theo Ông mục tiêu của các ĐCS là thực hiện cuộc cách mạng XHCN trên toàn thế giới, do đó các ĐCS phải đoàn kết với nhau cũng như trong nội bộ đảng một nước không thể có sự chia rẽ vì khác biệt lợi ích. Hạt nhân của sự đoàn kết nằm trong bản chất cách mạng XHCN. Tuy nhiên, tiến trình lịch sử diễn ra ở các nước là không giống nhau, cũng như ở mỗi một nước, giai cấp bị áp bức không chỉ là giai cấp vô sản. Do đó, sự liên minh giữa các đảng của các tầng lớp bị áp bức cũng như sự liên minh giữa các ĐCS phải được thực hiện dưới các hình thức thích hợp trong từng giai đoạn. Song, Ph.Ăngghen thường nghiêm khắc chỉ trích các đảng này vì mục tiêu trung gian mà quên hết

những vấn đề có tính nguyên tắc<sup>9</sup>. Bởi lẽ, khi xa rời các vấn đề có tính nguyên tắc, các ĐCS sẽ tự đánh mất mục tiêu và bị các đảng phái tư sản lợi dụng. Từ sách lược liên minh như là mục tiêu trung gian để đi tới mục tiêu cuối cùng như thế, Ph.Ăngghen cho rằng trong quá trình tồn tại và phát triển của ĐCS ở quy mô quốc gia cũng như quốc tế sự phân liệt là có khả năng và một đảng mạnh mẽ là một đảng có thể chịu được sự phân liệt đó<sup>10</sup>. Hơn nữa, ĐCS là một đảng hoạt động trên cơ sở giác ngộ GCCN, một đảng dựa trên hoạt động tự giác của các đảng viên và người ủng hộ nó. Lợi ích mà Đảng đem lại cho GCCN khi chưa có chính quyền chính là làm cho người lao động nhận thức được sức mạnh và sứ mệnh của mình. Do vậy, hoạt động của đảng trước tiên chú trọng vào tuyên truyền, giáo dục, vận động. Tùy thuộc vào cuộc đấu tranh tư tưởng trong đảng sẽ tất yếu có sự phân liệt, do có những quan điểm khác biệt nhau. Vấn đề là cần mở rộng tranh luận công khai để từ những cuộc tranh luận đó mà tìm ra, mà thuyết phục người khác bằng lẽ phải của chân lý. Hơn nữa, cuộc tranh luận trung thực, công khai, thẳng thắn sẽ làm trong sạch và sàng lọc ra khỏi đảng những phần tử cơ hội.

Trong bộ phận những công việc mà Ph.Ăngghen đã làm, bên cạnh những tác phẩm nổi tiếng về triết học và lịch sử, Ph.Ăngghen cũng để lại cho chúng ta những tư tưởng quý báu về tổ chức và quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực tổ chức nhà nước và ĐCS. Dù rằng đó chỉ là những gợi ý có tính phương pháp luận nhưng nhìn tổng quát, đó thực sự là những tư tưởng có vai trò kim chỉ nam cho chúng ta khi triển khai nghiên cứu các lĩnh vực cụ thể.

1, 2, 4, 5, 7, 8. Mác - Ph.Ăngghen Tuyên tập, ST, H, 1984, T.4, tr. 356, 355, 359, 359, 587, 754

3, 6, 9, 10. Xem: *Sđd*, tr. 356-359, 365-390, 770-771 và 579-589, 701-706.